

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1129/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-11-2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Nguyễn Thành Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4198/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 300B đường H, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1981.

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: X 30 3431SC Nieuwegein Nederland (Hà Lan).

*Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/02/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Đình M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 04/3/2020. Sau khi kết hôn, bà Trần Thị Ngọc N trở về Hà Lan sinh sống và làm việc, còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Do xa cách địa lý và bất đồng về quan điểm nên ông và bà Trần Thị Ngọc N phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không

có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc N ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì sức khỏe không tốt, ông M yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 07/6/2021 được chứng nhận tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vương quốc Hà Lan, bị đơn là bà Trần Thị Ngọc N xác nhận lời trình bày của ông Nguyễn Đình M về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông M xin ly hôn, bà cũng đồng ý được ly hôn với ông M. Do khoảng cách địa lý xa xôi, kinh tế khó khăn nên bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Vương quốc Hà Lan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Đình M được ly hôn bà Trần Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông M và bà N, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông M và bà N không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông M và bà N đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông M yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc N là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị Ngọc N khai không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Đình M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình M.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình M được ly hôn bà Trần Thị Ngọc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2020 cho ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị Ngọc N không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Đình M chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0093678 ngày 23/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Nguyễn Đình M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Trần Thị Ngọc N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thành phố Đ, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thủy Tiên**



***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận 7, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thủy Tiên**